TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 283/2025/DS-PT
Ngày 04 – 8– 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Điện– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096156008377; Cấp ngày: 29/9/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ cư trú: Số 38B, đường Lý Bôn, khóm 6, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Nay là số 38B, đường Lý Bôn, khóm 6, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà D: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng S (Trần Hoàng S1), sinh năm 1971 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096071012325; Cấp ngày: 18/7/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: ấp Tân Hiệp, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Nay là ấp Tân Hiệp, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Hoàng S, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị D và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Vũ P là người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị D trình bày:

Bà Trần Thị D và ông Trần Hoàng S là chỗ quen biết. Thời điểm tháng 9/2010, ông S có vay để đáo hạn nợ tại Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh C, thời gian đáo hạn 01 ngày. Đến ngày 16/12/2013, sau nhiều lần xác nhận nợ, ông S còn nợ bà Danh số tiền 570.000.000 đồng, ông S nói do làm ăn quá khó khăn nên không thực hiện trả vốn gốc và lãi như thỏa thuận. Do thấy hoàn cảnh khó khăn của ông S nên bà D đồng ý chốt nợ với ông S đến ngày 16/12/2013, ông S còn nợ bà D 570.000.000 đồng. Ông S có làm giấy cam kết, nội dung đến ngày 31/12/2024 nếu không trả đủ số tiền theo cam kết thì bà D có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết. Thực tế từ ngày 16/12/2013 đến nay ông S không trả tiền vốn và lãi cho bà D. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoàng S trả tổng số tiền vốn và lãi là 1.818.984.000 đồng, trong đó vốn là 570.000.000 đồng, tiền lãi là 1.248.984.000 đồng (tính từ ngày 16/12/2013 đến ngày 16/12/2024 là 132 tháng x 1,66%/tháng). Đồng thời yêu cầu tính lãi suất tiếp theo từ ngày 16/12/2024 đến khi xét xử vụ án.

- Theo ông Trần Hoàng S trình bày:

Thời gian ông làm Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có thỏa thuận với bà Trần Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Khi Ngân hàng cho vay lại chỉ cho vay 800.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng chênh lệch không được vay thì xác định là số tiền gốc mà ông vay của bà D. Lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau đó một thời gian thì ông và bà D chốt lại số tiền còn thiếu bao gồm cả gốc và lãi là 570.000.000 đồng, từ đó không tính lãi nữa. Tuy nhiên, sau khi chốt nợ ông không thanh toán cho bà D được khoản nào, đối với các giấy tờ liên quan đã bị thất lạc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Buộc ông Trần Hoàng S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Danh S2 tiền 1.149.816.667 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu ông Trần Hoàng S trả số tiền 669.167.333 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/6/2025, ông Trần Hoàng S có đơn kháng cáo, yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hoàng S giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông P phát biểu: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn không đặt ra việc cho vay lãi nặng, không đặt ra việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông S phát biểu: Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, vì xét xử vắng mặt ông là không khách quan; yêu cầu xác minh làm rõ việc bà D cho vay lãi nặng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Hoàng S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc ông S vay tiền và nợ tiền vay của bà Trần Thị D là thực tế có xảy ra, được ông S thừa nhận, có làm giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà D. Tại giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 16/12/2013, giữa bà D và ông S thống nhất: Tính đến ngày 31/10/2011,ông S nợ bà Danh số tiền là 719.120.000 đồng; bà D đồng ý giảm cho ông S, số tiền còn lại ông S phải trả cho bà D là 600.000.000 đồng; ông S đã trả cho bà D 02 lần bằng 30.000.000 đồng; còn nợ 570.000.000 đồng. Ông S cam kết trả cho bà D hết số tiền 570.000.000 đồng trong thời gian 12 tháng. Sau thời hạn ngày 31/12/2014 mà ông S không trả nợ đầy đủ cho bà D thì bà D có toàn quyền nhờ pháp luật xử lý. Giấy xác nhận và cam kết trả nợ có ông S ký tên, tại phiên toà ông S cũng thừa nhận. Ông S cho rằng trong số tiền nợ 570.000.000 đồng nêu trên bao gồm cả nợ gốc và lãi, nhưng không được bà D thừa nhận, ông S cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh; đồng thời, tại giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 16/12/2013 cũng không nêu cụ thể trong số tiền 570.000.000 đồng này có bao nhiêu là tiền vốn, bao nhiêu là tiền lãi. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D, xác định số tiền nợ 570.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 16/12/2013 là tiền vốn và buộc ông S trả cho bà D là có căn cứ.

[2] Về lãi suất: Tại Giấy xác nhận nợ và cam kết trả 16/12/2013 không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất; tuy nhiên, các bên có thoả thuận về thời hạn ông S trả hết nợ cho bà D là ngày 31/12/2014. Do phía ông S vi phạm về nghĩa vụ trả nợ, nên phía bà D yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở; thời gian tính lãi được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày ông S vi phạm về cam kết trả nợ, là ngày 01/01/2015. Về mức lãi suất, phía bà D yêu cầu tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng là không phù hợp, mà cần phải áp dụng mức lãi suất theo quy định, cụ thể:

+ Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016, lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 là 9%/năm, tiền lãi tương ứng là: 570.000.000 đồng x 9%/năm x 02 năm = 102.600.000 đồng.

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2025), lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm, tiền lãi tương ứng là: 570.000.000 đồng x 10%/năm x 08 năm 04 tháng 14 ngày = 477.216.667 đồng.

Tổng số tiền lãi được chấp nhận là: 102.600.000 đồng + 477.216.667 đồng = 579.816.667 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi buộc ông S phải trả cho bà D là 1.149.816.667 đồng (trong đó tiền vốn là 570.000.000 đồng, tiền lãi là 579.816.667 đồng).

[3] Đối với việc Toà án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông S, xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm ấn định thời gian mở phiên toà lần thứ nhất vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 14/4/2025; nhưng đến ngày 14/4/2025 ông S có mặt, ông P Vắng mặt nên Toà án cấp sơ thẩm ra quyết định hoãn phiên toà và ấn định lại thời gian mở phiên toà lần thứ hai vào lúc 07 giờ ngày 23/4/2025, nhưng ông S có đơn xin hoãn phiên toà. Toà án cấp sơ thẩm ra quyết định hoãn phiên toà và ấn định lại thời gian mở phiên toà vào lúc 07 giờ ngày 14/5/2025, nhưng ông S vắng mặt không có lý do, ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đối với ông S là đúng quy định pháp luật. Đối với việc ông S cho rằng bà D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, nhưng ông P xác định bà D không có giữ, ông S cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Đối với việc ông S yêu cầu Hội đồng xét xử xác minh làm rõ việc bà D cho vay lãi nặng và việc bà D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, xét thấy đây là nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh của ông S.

[4] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Trần Hoàng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông S phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng S (Trần Hoàng S1).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Nay là Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Buộc ông Trần Hoàng S (Trần Hoàng S1) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Danh S2 tiền

1.149.816.667 đồng (trong đó tiền vốn là 570.000.000 đồng, tiền lãi là 579.816.667 đồng).

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu ông Trần Hoàng S trả số tiền 669.167.333 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hoàng S phải chịu 46.494.500 đồng. Bà D được miễn chịu án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hoàng S phải chịu 300.000 đồng. Ngày 04/6/2025, ông S đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001243 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4-Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập